

Số: 48 /TB-UBND

Hiệp Thành, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**THÔNG BÁO**

**Về việc lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư đối với “Nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu Trung tâm thương mại - Dịch vụ và dân cư cao cấp Nhà Mát, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau”**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về Nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bạc Liêu đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch một phần khu du lịch Nhà Mát thành khu dân cư cao cấp tại phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu (cũ) về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000: Khu vực phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu (cũ) về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: Khu dân cư cao cấp tại phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu;

Căn cứ văn bản số 4590-CV/VPTU ngày 07/3/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Bạc Liêu (cũ) về việc thống nhất phương án điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án Khu dân cư cao cấp phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu;

Căn cứ văn bản số 941/UBND-TH ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) về việc thống nhất phương án điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án Khu dân cư cao cấp phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu thành dự án Khu Trung tâm thương mại - dịch vụ và dân cư cao cấp phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu.

Qua tổng hợp các hồ sơ có liên quan, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư để tham gia, đóng góp ý kiến đối với “Nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu Trung tâm thương mại - dịch vụ và dân cư cao cấp, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau” với các nội dung cụ thể như sau:

### **1. Hồ sơ đăng tải lấy ý kiến**

- Thuyết minh tổng hợp Nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.
- Các bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất lập quy hoạch.
- Phiếu lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư.

### **2. Nội dung lấy ý kiến**

#### **2.1. Thông tin chung:**

- Vị trí ranh giới nghiên cứu lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thuộc Khóm Nhà Mát, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau.
- Ranh giới lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết:
  - + Phía Nam tiếp giáp Khu du lịch Nhà Mát và Hải Đội 2;

- + *Phía Bắc tiếp giáp đường Hoàng Sa;*
- + *Phía Đông tiếp giáp đường đê biển;*
- + *Phía Tây tiếp giáp đường Trục F.*

- Tổng diện tích nghiên cứu nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch: **136.900,9 m<sup>2</sup>**.

## **2.2. Lý do và sự cần thiết**

- Khu du lịch Nhà Mát với điểm du lịch tâm linh nổi tiếng Quán Âm Phật Đài, Điện gió Bạc Liêu thu hút lượng lớn khách du khách trong và ngoài tỉnh nhưng về chất lượng, giá trị, các dịch vụ kèm theo và khả năng cạnh tranh chưa cao và chưa có tính bền vững, chưa phát huy hết tiềm năng và thế mạnh để giữ chân du khách, qua đó tạo công ăn việc làm cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Trên cơ sở chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch một phần khu du lịch Nhà Mát thành Khu Trung tâm thương mại - dịch vụ và dân cư cao cấp nhằm kêu gọi đầu tư khai thác có hiệu quả phù hợp theo quy hoạch với nhu cầu khai thác sử dụng, đảm bảo các mục tiêu về chiến lược phát triển kinh tế, tạo thuận lợi cho các thành phần và các tập đoàn kinh tế lớn về đây nghỉ dưỡng tham quan và du lịch, nhằm phát huy thuận lợi trong các quyết định chính sách, tài chính và các quyết định có liên quan đến sự phát triển mang tính chiến lược và bền vững, đồng thời tạo cơ hội thuận lợi cho du khách, nhất là du khách ngoài tỉnh.

- Với những lý do nêu trên, việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nhằm tạo khu dân cư, trung tâm thương mại phục vụ nghỉ dưỡng, kinh doanh và cũng là điểm nhấn dịch vụ du lịch hấp dẫn và khai thác có hiệu quả tiềm năng sẵn có là hết sức cần thiết và cấp bách. Từ đó tạo cơ sở pháp lý cho việc kêu gọi đầu tư, lập dự án cụ thể cho phát triển và quản lý xây dựng, khai thác cảnh quan tự nhiên một cách hiệu quả, thu hút các du khách trong và ngoài tỉnh v.v... để phát triển điểm du lịch hấp dẫn, bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của phường Hiệp Thành ngày càng phát triển.

## **2.3. Nội dung Nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết:**

**a) Dự báo các khu chức năng quy hoạch:** Tổng diện tích khu vực quy hoạch 15.6231,49 m<sup>2</sup>, gồm các khu chức năng sau: Khu Trung tâm thương mại - dịch vụ, Đất xây dựng nhà ở; biểu tượng 3 con tôm, đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật.

### **b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:**

| TT | Chức năng sử dụng đất           | Chỉ tiêu đề xuất               |
|----|---------------------------------|--------------------------------|
| -  | Quy mô diện tích                | <b>136.900,9 m<sup>2</sup></b> |
| -  | Quy mô dân số dự kiến khoảng    | 1.800 người                    |
| A  | <b>Chỉ tiêu sử dụng đất (*)</b> |                                |

|          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| I        | Đất dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 45 ÷ 60 m <sup>2</sup> đất/người |
| 1        | Đất đơn vị ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 15 ÷ 28 m <sup>2</sup> đất/người |
|          | - Đất công cộng đơn vị ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1 ÷ 2 m <sup>2</sup> đất/người   |
|          | - Đất cây xanh đơn vị ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2,0 ÷ 3 m <sup>2</sup> đất/người |
|          | - Đất giáo dục cấp đơn vị ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,7 ÷ 3 m <sup>2</sup> đất/người |
| 2        | Đất cây xanh đô thị                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ≥ 2 m <sup>2</sup> đất/người     |
| <b>B</b> | <b>Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật (*)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                  |
| 1        | Giao thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |
|          | - Tỷ lệ đất giao thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ≥ 20%                            |
| 2        | Cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  |
|          | - Nước sinh hoạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 150 ÷ 180 lít/người/ngày đêm     |
|          | - Nước công cộng, dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ≥ 10% lượng nước sinh hoạt       |
| 3        | Cấp điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  |
|          | - Điện sinh hoạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 500 ÷ 700W/người                 |
|          | - Điện công cộng, dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 20 ÷ 30 w/m <sup>2</sup> sàn     |
| 4        | Thoát nước thải và vệ sinh môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                  |
| 4.1      | Thoát nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100%Qsh                          |
| 4.2      | Thu gom chất thải rắn                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1 ÷ 1,3kg/người/ngày             |
| 5        | Thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                  |
|          | - Nhà ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2 máy/ hộ                        |
|          | - Số thuê bao internet (cố định, di động)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 25 ÷ 45 máy/100 dân              |
|          | - Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số                                                                                                                                                                                                                                                                             | 80 - 100%                        |
| (*)      | Các chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng kỹ thuật sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, Quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được duyệt cũng như nhu cầu thực tế của khu vực lập quy hoạch trong quá trình triển khai điều chỉnh quy hoạch chi tiết. |                                  |

#### 4. Các yêu cầu của đồ án điều chỉnh quy hoạch:

##### a) Yêu cầu đối với điều tra khảo sát hiện trạng, thu thập số liệu:

- Tổ chức khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 phục vụ lập quy hoạch chi tiết. Kiểm tra, nghiệm thu và báo cáo thẩm định kết quả theo quy định hiện hành trước khi thực hiện công tác lập quy hoạch;

- Tất cả các bản vẽ quy hoạch thực hiện trên bản đồ nền địa hình lồng ghép với bản đồ địa chính;

- Tổ chức điều tra xã hội học để thu thập kiến nghị, đề xuất của cộng đồng dân cư;

- Phân tích vị trí địa lý của khu quy hoạch trong mối quan hệ tứ cận. Phân tích đặc điểm khí hậu, thủy văn, địa hình, địa chất và cảnh quan đặc trưng khu vực quy hoạch;

- Phân tích hiện trạng về dân số, sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (*giao thông, điện, cấp - thoát nước, môi trường...*); đánh giá các đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư đã và đang triển khai trong phạm vi khu quy hoạch và lân cận.

### **b) Đánh giá hiện trạng:**

Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan, di tích lịch sử - văn hoá, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển, bao gồm:

- Đặc điểm hiện trạng: Về vị trí, mối quan hệ với toàn khu.

- Đặc điểm điều kiện tự nhiên: Phân tích, đánh giá các điều kiện: địa hình; địa chất; khí hậu; nhiệt độ; độ ẩm; mưa....

- Hiện trạng sử dụng đất: xác định chức năng và thống kê quỹ đất hiện trạng, xác định rõ các khu vực nằm trong các hành lang giao thông đối ngoại. Lập bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất.

- Hiện trạng kiến trúc, cảnh quan: Số lượng nhà, cấp nhà, tầng cao; các khu vực cảnh quan đặc thù.

- Hiện trạng dân số (nếu có): Dân số hiện hữu, mật độ dân số.

- Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông; Cấp điện; Cấp nước; san nền - thoát nước mưa; Thoát nước bẩn; Vệ sinh môi trường.

### **c) Xác định tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật**

Xác định tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của khu vực thiết kế.

### **d) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất**

- Đề xuất cơ sở xây dựng phương án thiết kế và đề xuất phương án chọn.

- Xác định chức năng cụ thể của từng lô đất theo từng loại hình nhà ở, công trình công cộng, cây xanh nhóm nhà.

- Xác định các chỉ tiêu cho từng lô đất về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình; vị trí, quy mô các công trình ngầm.

### **đ) Yêu cầu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan**

- Đề xuất nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan các khu chức năng trong khu dân cư, các trục đường chính cần kiểm soát phát triển, các công trình điểm nhấn, các vùng kiến trúc cảnh quan khu quy hoạch.

- Tạo nên sắc thái kiến trúc riêng phù hợp với đặc trưng văn hóa của khu vực và địa phương, tạo môi trường sống tiện ích và tiện nghi cho người sử dụng.

- Khai thác hiệu quả về vị trí cũng như cảnh quan của khu vực cho tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu dân cư, chú trọng đến không gian mở và cây xanh.

#### **e) Các nguyên tắc kết nối hạ tầng kỹ thuật**

- Phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo các chỉ tiêu về kỹ thuật, phân cấp hệ thống giao thông và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, khoảng cách an toàn tối thiểu giữa các hệ thống hạ tầng kỹ thuật,...

Kết nối hệ thống giao thông khu quy hoạch và đấu nối với hệ thống giao thông khu vực;

- Kết nối hài hòa và đồng bộ với các khu dân dụng lân cận;

- Tận dụng tối đa các cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện hữu phục vụ quá trình đấu nối các cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu quy hoạch.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu quy hoạch phải thực hiện ngầm hóa theo quy định, khuyến khích sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### **\* Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

+ Cao độ san nền: Quy hoạch cao độ nền tính toán theo quy định của QCXDVN 01: 2021/BXD có nghiên cứu đến tác động của biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp san nền.

+ Thoát nước mưa: Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước bẩn. Xác định hướng thoát và phân chia lưu vực, thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01:2021/BXD; QCVN 07:2023/BXD và quy hoạch thoát nước mưa của toàn khu vực.

#### **\* Hệ thống giao thông:**

+ Quy hoạch đấu nối hệ thống giao thông hợp lý trên cơ sở hệ thống giao thông trên các trục chính của khu vực.

+ Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01:2021/BXD; QCVN 07:2023/BXD và Tiêu chuẩn quy phạm đường đô thị.

#### **\* Công trình ngầm**

Xác định các công trình ngầm (nếu có) trong khu vực quy hoạch, phù hợp với quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025, Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định hiện hành.

#### **\* Cấp nước sạch**

+ Xác định nguồn nước: Đấu nối vào mạng lưới cấp nước sạch của khu vực;

+ Tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước: Vị trí, quy mô các công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước; đề xuất các giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước;

+ Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01: 2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD.

#### **\* Cấp điện và chiếu sáng đô thị**

+ Xác định nguồn điện, chỉ tiêu và dự kiến nhu cầu sử dụng điện, giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện. Xác định chỉ tiêu sử dụng điện chiếu sáng theo các nhóm công trình, tính toán nhu cầu sử dụng điện năng cho chiếu sáng, đề xuất các giải pháp

cụ thể về nguồn, lưới điện, nguồn sáng, các giải pháp cụ thể về chiếu sáng cho các khu chức năng của khu quy hoạch.

+ Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01: 2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD.

**\* Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR):**

+ *Thoát nước thải*: Hệ thống thoát nước thải bố trí riêng so với hệ thống thoát nước mưa, phải qua xử lý trước khi thoát ra kênh rạch, đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới thoát nước thải. Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01: 2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD.

+ *Quản lý chất thải rắn*: Bố trí các địa điểm thu gom rác và vận chuyển chất thải rắn một cách hợp lý, đưa ra các giải pháp cách ly và bảo vệ môi trường để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Riêng rác thải của các cơ sở y tế có tính chất độc hại phải được xử lý riêng bằng thiết bị đốt rác nhiệt độ cao.

**\* Hệ thống thông tin liên lạc:**

+ Xác định quy mô, các trạm và các mạng truyền dẫn, di động và các công trình phụ trợ.

+ Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01: 2021/BXD, QCVN 07:2023/BXD.

**ê) Các nguyên tắc đánh giá môi trường chiến lược:** Đánh giá môi trường chiến lược và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường theo Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

**g) Thiết kế đô thị:**

Thiết kế đô thị theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị.

**h) Các yêu cầu nghiên cứu khác:**

Nghiên cứu sự tác động qua lại giữa Đồ án quy hoạch với các khu vực lân cận.

**i) Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư, đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện:**

Tính toán sơ bộ về tổng mức đầu tư dự án thực hiện quy hoạch theo các quy định hiện hành.

**2.4. Dự thảo quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch**

Phải phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt và cụ thể các nội dung sau:

a) Ranh giới, phạm vi và tính chất, chức năng khu quy hoạch;

b) Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, cốt xây dựng đối với từng lô đất;

c) Quy định về chiều cao công trình, cốt sàn và chiều cao tầng một hoặc phần để công trình cao tầng, hình thức kiến trúc và hàng rào công trình, vật liệu xây dựng của các công trình;

d) Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đến từng tuyến đường cấp nội bộ; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình có chức năng đặc thù, công trình ngầm;

đ) Danh mục và quy định về bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan;

e) Yêu cầu, biện pháp bảo vệ môi trường;

g) Trách nhiệm tổ chức thực hiện; nguyên tắc để tổ chức thực hiện và triển khai theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

### **3. Hình thức lấy ý kiến**

Mọi ý kiến tham gia trực tiếp gửi bằng văn bản đính kèm Phiếu lấy ý kiến gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hiệp Thành (*Địa chỉ: Đường Giồng Nhãn - Gò Cát, Khóm Giồng Nhãn A, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau*).

**4. Thời gian lấy ý kiến:** 15 ngày đối với cơ quan, 25 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư (*bắt đầu từ ngày 24/02/2026*).

5. Thông báo này được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Thành, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Trụ sở Ban nhân dân Khóm Nhà Mát. Đồng thời được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phường.

### **6. Tổ chức thực hiện**

a) Giao Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hiệp Thành phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường đăng tải hồ sơ lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về “*Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu Trung tâm thương mại - Dịch vụ và dân cư cao cấp Nhà Mát, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau*”.

b) Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Ban Nhân dân Khóm Nhà Mát:  
- Niêm yết công khai nội dung lấy ý kiến “*Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu Trung tâm thương mại - Dịch vụ và dân cư cao cấp Nhà Mát, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau*” tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường và trụ sở Khóm khu vực điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

- Tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư. Tổng hợp, báo cáo về Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành (*thông qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường*).

c) Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến đóng góp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp, báo cáo Ủy ban nhân dân phường theo quy định.

Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn phường được biết và góp ý nội dung

***“Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu Trung tâm thương mại  
- Dịch vụ và dân cư cao cấp Nhà Mát, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau”./. ***

***Nơi nhận:***

- CT và các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP TH;
- Phòng KT, HT&ĐT;
- Phòng VH-XH;
- Công TTĐT phường;
- Khóm Nhà Mát;
- Lưu: VT, LT(H).

**TM. UBND PHƯỜNG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Minh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN**  
**CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ĐỐI VỚI**  
**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500: KHU TRUNG TÂM**  
**THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ DÂN CƯ CAO CẤP, PHƯỜNG HIỆP**  
**THÀNH, TỈNH CÀ MAU**

ĐỊA ĐIỂM: KHÓM NHÀ MÁT, PHƯỜNG HIỆP THÀNH, TỈNH CÀ MAU.

**I. MỤC TIÊU - Ý NGHĨA:**

“Phiếu xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư đối với *Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu Trung tâm thương mại - dịch vụ và dân cư cao cấp, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau*” với mục đích: Nghiên cứu và cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu nhằm tạo khu dân cư, trung tâm thương mại phục vụ nghỉ dưỡng, kinh doanh và cũng là điểm nhấn dịch vụ du lịch hấp dẫn và khai thác có hiệu quả tiềm năng sẵn có của quỹ đất công nhà nước quản lý. Tạo cơ sở pháp lý cho việc kêu gọi đầu tư, lập dự án cụ thể cho phát triển và quản lý xây dựng, khai thác cảnh quan tự nhiên một cách hiệu quả, thu hút các du khách trong và ngoài tỉnh v.v... để phát triển điểm du lịch hấp dẫn, bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của phường Hiệp Thành ngày càng phát triển.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, chúng tôi sẽ tổng hợp, phân tích, lựa chọn các nội dung để bổ sung, hoặc hiệu chỉnh nhằm hoàn chỉnh phương án điều chỉnh quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển chung, đồng thời, vẫn phải đảm bảo đúng các quy định hiện hành và phù hợp với yêu cầu thực tế

**II. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI:**

Bảng câu hỏi gồm các phần chính:

- A. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến;**
- B. Ý kiến đóng góp cho việc lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết;**
- C. Đề nghị khác.**

Các câu hỏi chủ yếu ở dưới dạng lựa chọn câu trả lời đánh giá: "Có - Không". Quý vị góp ý đánh dấu "x" những ô chọn tương ứng. Trường hợp có ý kiến bổ sung thì ghi thêm tại các dòng kẻ liền dưới. Nếu câu trả lời của quý vị dài hơn không gian cho sẵn của phiếu, xin vui lòng sử dụng các khoảng trống bên cạnh hoặc viết thêm ra giấy trắng.

Phiếu lấy ý kiến được niêm yết công khai và thời gian thu nhận ý kiến trong 25 ngày (kể từ ngày niêm yết) qua gửi đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị Phường Hiệp Thành. Địa chỉ: Đường Giồng Nhãn - Gò Cát, Khóm Giồng Nhãn A, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau.

**Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn những ý kiến và sự hợp tác của quý vị !**

**A. THÔNG TIN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN**  
(không bắt buộc)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....

Địa Chỉ:.....

Điện thoại / Fax: ..... Email: .....

**B. Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VIỆC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH**

1. Vị trí, phạm vi ranh giới của Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đã hợp lý chưa?

☐ Hợp lý

☐ Chưa hợp lý

2. Nội dung chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đề xuất đã hợp lý chưa?

☐ Hợp lý

☐ Chưa hợp lý

3. Đánh giá chung về Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết ?

☐ Đồng ý

☐ Không đồng ý

**C. Ý KIẾN KHÁC:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA QUÝ VỊ !**